

THẦN HỌC

TẬP PHỔ BIẾN THẦN HỌC, PHÁT HÀNH KHÔNG ĐỊNH KỲ

Số 12
Năm V (1995)

- Luận đề về**
Công cuộc đối thoại liên tôn
Suy tư thần học mục vụ
trong bối cảnh Châu Á

- Adam**
với số phận đời đời

- Cảm Thức Đức Tin:**
Suy tư thần học từ sau
Công đồng Vaticanô II
(II) 1985-1989

- Sống sứ mệnh**
làm Giáo Hội tại Châu Á



LUẬN ĐỀ VỀ CÔNG CUỘC ĐỐI THOẠI LIÊN TÔN

Suy tư thần học mục vụ trong bối cảnh Châu Á¹

NHẬP ĐỀ

0.1 Đối thoại là một chiều kích cấu thành không thể thiếu được trong cuộc sống con người. Chỉ con người mới có khả năng không những phản ứng trước các kích tố bên ngoài, mà còn dùng đến ngôn ngữ và biểu tượng để ứng đáp với những người chung quanh và, nhờ đó, xây dựng nên được cộng đoàn xã hội. Lẽ ra với những phương tiện truyền thông ngày càng dễ dàng và nhanh chóng, với tình trạng tùy thuộc lẫn nhau ngày càng chặt chẽ hơn trong các lãnh vực kinh tế và chính trị, thì những tương quan liên đới và tình bằng hữu sẽ được gia tăng, củng cố; nhưng không: tiềm ẩn tham vọng thống trị hằng tàng ẩn trong đáy lòng con người, những hệ thống biểu tượng làm cơ sở cho cấu trúc cuộc sống loài người — như là ngôn ngữ, văn hóa và tôn giáo — hình như đã trở thành căn nguyên

1. Các "Luận đề về công cuộc đối thoại liên tôn" là do Ủy Ban Cố Vấn Thần Học của Liên Hiệp các Hội Đồng Giám Mục Châu Á (FABC) soạn thảo. Tất cả các Hội Đồng Giám Mục thuộc FABC đều có đại diện làm thành viên trong Ủy Ban này. Tài liệu đúc kết sơ khởi này là thành quả của công tác nghiên cứu và bàn thảo mà thành viên của Ủy Ban và nhiều nhà thần học khác đã tiến hành suốt trong hơn hai năm, và cuối cùng đã được chấp thuận trong lần Ủy Ban họp tại Singapore hồi tháng tư năm 1987. Các luận đề này chỉ nhằm đề xuất một số điểm căn bản làm cơ sở chung cho các cuộc tiếp tục trao đổi và bàn thảo rộng lớn hơn với đoàn thể các chủ chăn và các nhà chuyên môn. Các thành viên của Ủy Ban Cố Vấn Thần Học tha thiết mời gọi quý vị đọc Luận đề, chia sẻ với Ủy Ban những nhận xét và phê bình của mình, nhằm góp sức đẩy mạnh làm cho đà ưu tư đối với công cuộc đối thoại liên tôn lan rộng và tiến xa hơn nữa. Xin gửi các ý kiến nhận định về FABC, G.P.O. 2984, Hong Kong.

làm phát sinh ra tranh chấp và chia rẽ. Nhưng dù sao thì khát vọng hòa bình và nhu cầu tình bạn cũng vẫn dồn thúc con người tiến đến chỗ biết dựa trên cơ sở của cùng một thân phận làm người như nhau cũng như của thái độ chấp nhận cùng kính trọng phẩm giá và tự do của nhau, mà đối thoại với nhau. Bởi hằng hướng về với những thực tại tối thượng, và nhờ thế mà có được khả năng vượt lên trên những mầm chia rẽ cùng những giới hạn phân cách trong lịch sử nhân loại, cho nên các tôn giáo được mời gọi để đóng giữ một vai trò lãnh đạo đặc biệt trong tiến trình đối thoại giữa xã hội loài người.

0.2 Đúc Gioan Phaolô II đã nhấn mạnh rằng “hơn bao giờ hết, ngày nay tầm quan trọng và vai trò thiết yếu mà công cuộc đối thoại liên tôn đảm nhận vì lợi ích của tất cả các tôn giáo và hết thảy mọi tín đồ, đòi hỏi phải biết chung sức hợp tác với nhau để làm sao cho mọi người đạt tới được cứu cánh siêu việt của mình, và kiện toàn quy trình tiến phát đích thực của con người mình, cũng như để giúp cho các nền văn hóa bảo toàn được những giá trị tinh thần và tôn giáo trước những đổi thay đang xảy đến nhanh chóng ở giữa xã hội.” (Bài ngỏ lời trong buổi tiếp kiến các thành viên Văn Phòng Tòa Thánh Đặc Trách về các Anh Chị Em ngoài Kitô giáo, ngày 3 tháng 3, năm 1984).

0.3 Cộng đoàn nội giới nơi Thiên Chúa ba ngôi trong một bản tính duy nhất, và mối hiệp thông trong Nước Ngài — nơi mà Ngài mời gọi hết thảy mọi người quy tụ về, và là công trình mà Giáo hội có sứ mạng phục vụ — giúp cho nhận rõ ra rằng công cuộc đối thoại là một chiều kích cấu thành trong toàn bộ sứ mạng của Giáo hội. Lịch sử Dân Chúa trong Kinh Thánh thực là nguồn gợi hứng và cũng là bước khởi đầu cho công cuộc đối thoại ấy. Xét về nguồn gốc và đại để về quá trình lịch sử cuộc sống, thì Dân Ítraen trong Cựu Ước, cũng như Dân (Cộng đồng tín hữu) Kitô thuở ban đầu trong Tân Ước, cả hai đều đã

hình thành phức hợp từ nhiều dân nước khác nhau. Gặp gỡ và đối thoại với những truyền thống văn hóa và tôn giáo khác là một hiện tượng thường thấy trong lịch sử của Dân Ítraen cũng như của Giáo hội.

0.4 Trong vùng đất Palêtin, Dân Ítraen đã phải đương đầu với những thực tại mới, phải ứng đối với những vấn đề mới và, vì thế, đã không thể làm gì khác hơn là phải dẫn bước đối thoại với Canaan cả về mặt văn hóa lẫn tôn giáo. Kết quả là trong tất cả mọi lãnh vực cuộc sống của mình, Ítraen đã phải học hỏi và vay mượn từ di sản của các người Canaan. Cuộc gặp gỡ văn hóa và tôn giáo ấy đã ảnh hưởng một cách có lợi cho lòng tin của Ítraen, như có thể thấy rõ được qua cách thức tuyên tín, lễ lối phụng tự và phương thức thiết đặt quy luật của Giao Ước. Và thành quả quan yếu nhất mà cuộc gặp gỡ ấy đã mang lại cho Ítraen, là có được một kinh nghiệm mới về Đấng Yavê, và một lối nhận thức sâu sắc hơn về các thực tại trần thế, coi đó như là những thành tố thực sự có phần ở trong toàn bộ niềm tin họ đặt vào nơi Yavê.

0.5 Khi phải đối diện với Do thái giáo và văn hóa Hy Lạp, Kitô giáo đã có cơ hội khai triển một lối nhìn mới, có tính cách thâm nhập về biến cố Đức Kitô và về Giáo hội, như đọc thấy trong Tân Ước, đặc biệt là trong các văn bộ Phaolô và Gioan.

0.6 Phaolô đã ý thức rất rõ là cần phải trở nên Do thái với người Do thái để có thể chinh phục được người Do thái, và phải trở nên lương dân (sống ngoài Lễ Luật Cựu Ước) với lương dân để có thể chinh phục lương dân (x. 1Cr 9,19-23). Trong những bài thuyết giảng tại Lystra (Cv 14,25-27) và ở giảng đường Arêôpagô (Cv 17,22-31), Phaolô đã khai trình về sứ điệp Kitô theo một cách kiểu khéo léo đến độ qua dạng thức biểu đạt ấy, sứ điệp kia được coi là điểm đến, là lời tổng kết, là câu kết luận lôgic của toàn bộ lịch sử tôn giáo lương dân. Cũng như lịch sử Ítraen đã đưa dẫn tới sự việc Đức Giêsu Kitô đến trong thế gian,

thì hết như thế, lịch sử thế giới lương dân cũng đã chuẩn bị sẵn sàng để đón nhận sứ điệp kitô bằng cách dành một chỗ để trống cho Đấng Thiên Chúa mà họ còn chưa biết đến, Đấng mà người kitô sẽ ra sức dùng các nỗ lực hoạt động rao truyền của mình mà đặt vào trong chỗ trống ấy.

0.7 Phản ánh ngôn ngữ và tư tưởng Hy Lạp, ngôn từ của Gioan đã làm nhịp cầu nối kết giữa truyền thống Phúc Âm thuần túy của vùng Palêtin và phần thế giới bao la còn lại nằm trong cũng như ngoài ảnh hưởng văn hóa Hy Lạp. Phương cách đối thoại Gioan dùng đến, đã hiện rõ ngay từ trong Lời Tựa của Phúc Âm thứ tư (Ga 1,1-18); trong đó, tác giả đã miêu tả về biến cố Đức Kitô. Nếu trong nửa phần đầu của Lời Tựa, để miêu tả biến cố ấy, tác giả đã dùng những từ thông dụng, như "lời," "sự sống," "ánh sáng," "thế gian," v.v., là những từ mà các tôn giáo quanh trong vùng cũng dùng đến và cùng hiểu theo một nghĩa giống nhau, thì trong nửa phần sau, cũng để miêu tả cùng một biến cố ấy, tác giả đã dùng đến những thuật ngữ đặc thù kitô, như "Giêsu Kitô," "ân sủng," "sự thật," "Con Một của Thiên Chúa," v.v. Giới thiệu Đức Kitô là "Lời" làm trung gian biểu đạt thực hiện Thiên Chúa hiện diện một cách nhiệm mầu ở giữa trần gian, là mặc nhiên Gioan nhìn nhận rằng ở trong truyền thống các tôn giáo khác cũng có sự việc Thiên Chúa tự mạc khải chính mình ra. Gioan giới thiệu biến cố Đức Kitô như là một kinh nghiệm không phải chỉ thu hẹp ở trong phạm vi kinh nghiệm của riêng cá nhân mình hay của cộng đoàn Giáo hội mình mà thôi, nhưng là vượt hẳn lên trên bất cứ một khuôn khổ điển đạt cá biệt nào, và có thể cảm nhận ra được ở bất cứ đâu trong thế giới loài người, tức như là một kinh nghiệm có tính cách phổ quát: làm thế là Gioan cho thấy rằng cộng đoàn Giáo hội của mình đã được chuẩn bị để dẫn bước vào trong cuộc đối thoại với các truyền thống tôn giáo khác.

0.8 Trong hai ngàn năm qua, với những cấp độ thành công nhiều ít tùy trường hợp, Giáo hội đã từng gặp gỡ và đối thoại với không biết bao nhiêu dân tộc, nền văn hóa và tôn giáo khác nhau. Tuy nhiên, ngày nay, đặc biệt là tại Châu Á, là nơi có nhiều tôn giáo lớn đang bùng dậy và đang chuyển mình theo đà canh tân, Giáo hội ý thức rõ mồn một là mình đang đứng trước một trạng huống thật khác hẳn. Không còn nữa chuyện đặt vấn đề để xem Giáo hội phải giữ quan hệ như thế nào với các nền văn hóa và các tôn giáo khác. Chuyện cần làm bây giờ là phải nhận định cho ra chỗ đứng và vai trò của Giáo hội ở trong một thế giới đa dạng về mặt tôn giáo cũng như văn hóa. Trạng huống đổi thay ấy, đã khơi dậy nhiều loại nghi ngờ và nhiều thứ câu hỏi về căn tính và sứ mạng của Giáo hội tại Châu Á ngày nay.

0.9 Những Luận đề — với những lời bàn đi kèm — sau đây, không mấy may có ý đề xuất một công trình khảo cứu hoàn toàn đến nơi đến chốn bao hàm hết mọi vấn đề kể ra trên đây. Dù vẫn sẵn sàng đưa ra khi cần những nhận định liên quan đến các trào lưu nhân bản, chúng tôi cũng chỉ xin đặc biệt dồn hết chú tâm vào các tôn giáo; làm thế, là để giúp cho cuộc bàn thảo được thêm sáng tỏ và đi vào chiều sâu nhiều hơn. Tuy nhiên, quan hệ giữa hai tín đồ không cùng tôn giáo thì không giống với quan hệ giữa một tín đồ tôn giáo và một người vô tín ngưỡng. Các Luận đề sẽ cố gắng đề ra một mô mẫu mới, một cách thế mới để nghiên cứu toàn bộ vấn đề cũng như để tìm hiểu về mối tương quan liên đới giữa các nhân tố khác nhau trong toàn bộ ấy. Chúng tôi hy vọng rằng các Luận đề này sẽ giúp cho công tác suy tư nhằm tìm ra một lối nhận thức mới về căn tính của Giáo hội giữa một thế giới đa dạng về mặt tôn giáo như đang thấy hiện nay, và nỗ lực canh tân sứ mạng của Giáo hội thành tựu dễ dàng hơn, để nhờ đó, Giáo hội có thể dốc toàn lực mà phục vụ Thánh Linh, là Đấng hằng đưa dẫn toàn thể thế giới đến chỗ hiệp nhất.

LUẬN ĐỀ 1

Hiện diện ở giữa các xã hội đa tôn giáo tại Châu Á ngày nay — những xã hội đang phát triển mạnh và đang đấu tranh để đạt tới cho được cảnh trạng giải phóng và mức sống sung mãn — hết thảy các tôn giáo đều được mời gọi để cùng nhau đưa ra những nguyên tắc chung khả dĩ bổ sung cho nhau, hầu làm nền tảng luân lý và tôn giáo cho cuộc đấu tranh ấy, cũng như để trở thành những lực lượng đẩy mạnh đà thăng tiến và tinh thần hiệp thông, chứ không phải để làm mầm mống gây ra cảnh phân cách và xung đột. Có đối thoại và hợp tác thì các tôn giáo mới thực hiện công tác ấy được. Giữa cuộc sống chung trong xã hội, các tôn giáo đóng giữ vai trò làm tiên tri. Các tôn giáo cần tránh cho khỏi trở thành nạn nhân của bất cứ một phía nào: của phía những người cố tìm cách cầm giữ tôn giáo lại trong phạm vi phi chính trị và thuần túy cá nhân riêng tư, cũng như của phía những người ra sức lèo lái để dùng tôn giáo làm công cụ cho những mục tiêu chính trị và công xã.

1. Lời bàn

1.1 Các giám mục Châu Á đã có dịp nói rõ về tác vụ rao truyền Phúc Âm tại trong vùng, coi đó là một công cuộc đối thoại ba chiều: đối thoại với người nghèo, đối thoại với các nền văn hóa, và đối thoại với các tôn giáo [Kỳ họp khoáng đại lần đầu của FABC: xin xem tài liệu *FABC I*, tt.25-28]. Trong ba thành tố làm nên bộ mặt thực trạng Châu Á, tôn giáo xem ra là thành tố đáng được chú ý đặc biệt, bởi vì Châu Á là chiếc nôi của các tôn giáo lớn. Các tôn giáo này vẫn sống mạnh và hoạt động đắc lực, và hơn nữa, còn đang bùng dậy cùng chuyển mình trên đường canh tân, cố tìm cách đối phó với những thách

đó phát sinh từ lối sống mới trong thời hậu thuộc địa, là thời đã từng phải đương đầu một đàng với thách đố hai mặt đến từ hai phía khoa học và kỹ thuật hiện đại, và đàng kia là với việc tiếp xúc với nền văn hóa Tây phương. Tình trạng đa dạng tôn giáo ấy rồi sẽ ảnh hưởng như thế nào đến đời sống các dân nước Châu Á?

1.2 Tôn giáo là nhân tố sâu đậm nhất của văn hóa. Tôn giáo tìm cách mang lại những câu giải đáp thỏa đáng cho các vấn nạn tối hậu của con người. Tôn giáo là nguồn gợi hứng, có sức soi sáng cho những mục tiêu và mang lại nghị lực cho các cá nhân và các cộng đồng trong nỗ lực kiên trì theo đuổi tiến trình đưa dẫn đến mức thành tựu viên mãn cuộc sống của mình. Hướng tầm nhìn của họ về với nguồn gốc và cứu cánh của họ, tôn giáo đặt con người trước trách vụ làm người của mình là phải tiến lên cho tới mức sung mãn trong tất cả mọi lãnh vực cuộc sống của mình. Tôn giáo vẽ đường chỉ lối cho cả các cá nhân lẫn các cộng đồng nhận biết cung cách xử sự về mặt luân lý đạo đức. Như thế, tôn giáo đóng giữ vai trò làm tiền tri cho cả đời sống cá nhân riêng tư lẫn đời sống cộng đồng giữa xã hội. Những trào lưu tục hóa ngày nay cố tìm cách để biến tôn giáo thành một chuyện riêng tư, không có lấy một vai trò nào trong đời sống công giữa xã hội. Do đó, đời sống công, tức là đời sống kinh tế, xã hội và chính trị của con người, phải khuôn rập theo những lý tưởng đơn thuần thế tục, như là: hòa bình, hạnh phúc, trật tự, hiệu năng, v.v. Bởi nằm ngoài vòng chỉ đạo của các nguyên tắc luân lý phát nguyên từ trong gốc rễ tôn giáo, nên chẳng bao lâu, các lý tưởng thế tục ấy đều rơi dần vào tình trạng thoái hóa để trở thành ích kỷ, trục lợi cho cá nhân cũng như cho tập thể, cạnh tranh vô kỷ cương đưa đến chỗ mạnh được yếu thua, tạo ra lối sống tiêu thụ và tệ trạng chạy theo lợi lộc, v.v. Khi không còn được coi là quan trọng đối với đời sống công như thế, thì không mấy chốc tôn giáo sẽ không còn mang lại được một ý nghĩa nào nữa, và trở thành một nhân tố tha hóa. Ngược hẳn

lại, nếu cắt nghĩa theo quan niệm chính thống quá khích, thì sức mạnh cảm tính của tôn giáo có thể được dùng để nắn đúc lên một dạng bản sắc tập thể chỉ biết lo khư khư giữa thái độ tự vệ, có hại cho bản sắc của các tập thể khác. Và như thế, tôn giáo trở thành một thứ công cụ của chính trị, của công xã chủ thuyết (*communalism*), của chủ nghĩa chính thống cực đoan, v.v., hóa thành căn nguyên gây ra xung đột. Để tránh cho khỏi rơi vào hai chủ hướng cực đoan này, thì Giáo hội cần phải bảo toàn cho trọn vẹn vai trò vô song của mình ở giữa đời sống công trong xã hội, là làm nguồn gợi hứng và làm tiên tri cho cả cuộc sống công ấy nữa [Hiến chế *Vui mừng và Hy vọng (VMHV)*, 42-43]

1.3 Nếu đâu đâu trong các xã hội ngày nay cũng hiện rõ khát vọng muốn thấy nhân phẩm và tự do con người được tôn trọng thật sự, thì xét theo tư cách là cá nhân riêng rẽ hoặc như là phần tử của một tập thể, bất cứ con người nào cũng đều phải được công nhận là có quyền hưởng tự do, là quyền không thể chuyển nhượng hay bị tước đoạt đi được [Tuyên Ngôn về Tự do tôn giáo *Phẩm giá con người (TDTG)*, 2; *VMHV*, 16-17]. Lương tâm cá nhân của mỗi người là linh thiêng, là bất khả xâm phạm, và phải được tôn trọng. Trong một xã hội đa tôn giáo như trong các xã hội tại Châu Á, nếu thái độ tương kính ấy chỉ đơn thuần biểu hiện qua sự việc khoan dung chịu đựng lẫn nhau không thôi, thì chưa đủ, mà còn cần phải tỏ hiện rõ qua sự kiện chấp nhận lẫn nhau và tích cực hợp tác với nhau nữa. Là một tập thể đứng trước cùng một số phận chung, và liên kết với nhau bằng những mối giây kinh tế, xã hội và chính trị chung, thì, nếu muốn tránh cho khỏi rơi vào tình trạng tự biến mình trở thành như là một thứ sinh hoạt chỉ mang tính chất tư riêng, tất các tôn giáo phải làm sao để thái độ chấp nhận lẫn nhau và tinh thần tích cực hợp tác kia thực sự mang lại một ý nghĩa và đóng giữ một vai trò thích đáng ở giữa cuộc sống chung trong xã hội. Nếu thực sự muốn đạt đến chỗ tôn trọng

niềm thâm tín về lòng tin của nhau, thì chỉ có một cách là các tôn giáo phải gặp gỡ và trao đổi với nhau qua một tiến trình đối thoại có sức nối kết làm nên cộng đoàn, một cộng đoàn đặt cơ sở trên những giá trị cơ bản mà với tất cả tự do cá nhân, mỗi người rút ra từ lòng tin tôn giáo của mình, nhưng đồng thời cộng đoàn ấy cũng tìm cách làm sao để có được mối đồng tâm nhất trí trong các giá trị ấy, hầu lấy đó làm nền móng cho đời sống công cũng như cho các thể chế kinh tế, xã hội và chính trị của cuộc sống chung ấy. Theo chúng tôi nhận định thì một nền móng chung có qua có lại như thế là một điều vừa cần thiết, vừa không thể tránh né được, nếu thực sự muốn xây dựng một cộng đoàn đa tôn giáo quyết tâm gánh vác vai trò tích cực mà tôn giáo có sứ mạng phải đóng giữ trong đời sống tư cũng như công của con người, và gánh vác làm sao để tránh cho được hai thái cực sau đây: một đảng là biến tôn giáo trở thành như một chuyện đơn thuần cá nhân riêng tư, rồi từ đó đưa dẫn đến một thứ xã hội phi tôn giáo và phi luân lý; và đảng khác là đặt tôn giáo làm nhân tố chính để mà đoàn kết cho được một xã hội.

1.4 Tại Madras (5 tháng 2, 1986) ngỏ lời trước một nhóm các vị lãnh đạo tôn giáo, Đức Gioan Phaolô II đã nói: “Hoa trái nảy sinh từ đối thoại là đoàn kết giữa các con người với nhau, và giữa con người với Thiên Chúa, là nguồn xuất phát và là Đấng mạc khải mọi sự thật; Thần Linh của Ngài chỉ hướng dẫn được con người đi trong tự do khi con người biết đem lòng chân thành và tình yêu thương mà gặp gỡ lẫn nhau. Qua đối thoại, chúng ta để cho Thiên Chúa hiện diện ở giữa chúng ta; bởi vì, mở rộng tâm lòng của chính chúng ta ra để đối thoại với nhau, là cùng lúc chúng ta cũng mở rộng tâm lòng chúng ta cho Thiên Chúa. Cần phải dùng đến những phương thế chính đáng thường thấy trong xã hội loài người, như: tình bằng hữu, thái độ hiểu biết lẫn nhau và xác tín nội tâm. Cần phải tôn trọng những quyền lợi cá nhân cũng như dân sự của mỗi người. Theo tư thế là những tín đồ thuộc các tôn

giáo khác nhau, chúng ta nên cùng nắm tay hợp tác với nhau nhằm đẩy mạnh và bảo vệ những lý tưởng chung trong các lãnh vực tự do tôn giáo, tình huynh đệ giữa loài người, giáo dục, văn hóa, an sinh xã hội và trật tự dân sự.”

1.5 Viễn ảnh ấy đòi phải có một lối nhìn tích cực về vai trò tôn giáo đóng giữ ở giữa xã hội, tức không coi tôn giáo chỉ như là một thứ thuốc phiện gây tác hại tha hóa, hay như là một thứ thượng tào cơ sở áp bức đè nén. Hơn thế nữa, trong viễn ảnh ấy, các tôn giáo sẽ không còn bị coi như là chỉ biết chống đối lẫn nhau, làm mất hết mọi hy vọng chung sống hòa hợp, nhưng trái lại, được coi như là cùng nhau hợp thành một cộng đoàn cơ bản có sức đưa dẫn ước vọng đối thoại và trao đổi đến chỗ có thể thực hiện và thành tựu được; một cộng đoàn mang tính chất bổ sung giúp cho nhau phong phú thêm, cũng như có khả năng tiến dần trong tương lai, đến mức thành toàn hoàn bị làm nảy sinh nên nhu cầu cần phải cùng nhau chung sức dẫn thân trong tinh thần tôn trọng những gì niềm tin riêng của mỗi người nhất thiết coi là cơ bản, chủ yếu. Kiểu mẫu cộng đoàn và tính cách bổ sung lẫn nhau như thế chỉ là những nhân tố đặc thù của một nhóm các cá nhân, của kinh nghiệm họ có và của việc họ cùng nhau dẫn thân giữa xã hội; chứ đó không phải là những gì nói lên đặc nét biểu trưng giáo lý của các tôn giáo và thể chế khác nhau của các tín đồ thành viên trong nhóm.

1.6 Cuộc đấu tranh mà người dân Châu Á đang theo đuổi để đạt tới cho được cảnh trạng giải phóng và mức sống sung mãn, chính là nhân tố chủ chốt làm nên bối cảnh của cuộc đối thoại nói trên đây. Cuộc đấu tranh ấy gợi lên viễn ảnh sinh động về một tương lai cần phải được mọi người dân cùng chung sức dựng xây. Không phải là không biết đến vô số những trở ngại và những hình thức đàn áp cần được khắc phục trong lãnh vực cá nhân cũng như về mặt thể chế, tuy thế, điều đáng lưu tâm hơn cả

hiện nay vẫn là việc cùng nhau tìm tòi, cùng nhau tiến bước, cùng nhau hướng lên vươn cho tới mức thành tựu sung mãn của con người, được thâm tín và biểu đạt bằng nhiều cách kiểu khác nhau, như: moksha, nirvana (niết bàn), pleroma (cõi sung mãn), thiên đàng, v.v.

1.7 “Bởi vì cũng như Giáo hội, các tôn giáo đều là để phục vụ nhân loại; thế nên, không thể đem cuộc đối thoại liên tôn đóng khung vào trong phạm vi đơn thuần tôn giáo được, nhưng phải để cho nó bao trùm hết mọi chiều kích của cuộc sống: kinh tế, xã hội chính trị, văn hóa và tôn giáo. Có biết cùng nhau dẫn thân nhằm kiến tạo một cuộc sống sung mãn hơn cho cộng đồng nhân loại, thì các tôn giáo mới khám phá ra được là mình cần phải bổ sung cho nhau, và mới nhận thức rõ được tầm thiết yếu cùng mức khẩn trương của công tác đối thoại trong hết mọi cấp bậc” [Viện đối thoại liên tôn, thuộc các giám mục (BIRA) III, 7].

LUẬN ĐỀ 2

Đối thoại với các tôn giáo khác là một chiều kích cấu thành trong sứ mạng của Giáo hội, là bí tích biểu trưng Nước Thiên Chúa đã được Đức Kitô tuyên giảng; bởi vì, các tôn giáo là những nhân tố quan yếu và tích cực trong kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa. Tại Châu Á ngày nay, dù ở nhiều nơi họ chỉ là một “đoàn chiên nhỏ bé,” nhưng lại nhận được sức năng động bởi Thánh Linh, là Đấng đưa dẫn mọi sự đến chỗ hiệp nhất, nên người kitô được kêu gọi để đóng giữ vai phục vụ và xúc tác hầu giúp cho việc hợp tác liên tôn hình thành và tiến hành dễ dàng hơn. Ôn gọi này là một lời cảnh tỉnh giống lên để giúp tất cả các Giáo hội nhớ lại là mình có bổn phận phải cùng nhau làm chứng trong khi đang cùng đồng hành hướng đến mức hiệp thông đại kết ngày càng toàn vẹn hơn.

2. Lời bàn

2.1 Công đồng Vaticanô II đã không những khẳng định lại giáo lý cổ truyền dạy rằng “bằng một cách thế chỉ có Thiên Chúa mới biết, Thánh Linh hằng ban cho mỗi người khả năng dự phần vào trong mầu nhiệm Phục sinh” [VMHV 22; x. *ASMD* 16; Thông điệp *Đấng Cứu Độ Con Người* (*ĐCĐCN*) 14], mà còn có cả một lối nhìn tích cực về các tôn giáo ấy nữa, bởi coi đó là những cung cách nói lên nỗ lực tìm kiếm Thiên Chúa, cung cách đặc biệt phù hợp với bản chất xã hội của con người [Sắc lệnh về hoạt động truyền giáo *Ad Gentes* (*HDTG*) 3; *TDTG* 3]. Công đồng cũng nhấn mạnh đến sự kiện này là cùng có Thiên Chúa làm nguồn gốc và cùng đích, tất cả mọi người, mọi dân tộc đều có chung cùng một ơn gọi [Tuyên ngôn về quan hệ của Giáo hội với các tôn giáo ngoài Kitô giáo *Nostra Aetate* (*NKTG*) 2]. Các giám mục Châu Á “thừa nhận các tôn giáo ấy là những nhân tố quan yếu và tích cực trong kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa” và “nhìn nhận là qua các tôn giáo đó, Thiên Chúa đã lôi cuốn các dân tộc của chúng ta đến với Ngài” (*FABC I*, 14-15; x. *ĐCĐCN* 6 và 12).

2.2 Kinh nghiệm có về các tôn giáo khác, đã dẫn đưa Giáo hội tại Châu Á đến chỗ đánh giá tích cực về vai trò mà các tôn giáo đóng giữ trong kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa. Việc đánh giá ấy dựa trên cơ sở những hoa quả do Thánh Linh ban, và được nghiệm thấy ngay trong đời sống của tín đồ các tôn giáo khác, như: ý thức về thánh thiêng, quyết tâm theo đuổi lý tưởng trọn hảo, khát vọng thành thân, yêu thích cầu nguyện và dẫn thân, ước vọng từ bỏ, ra sức đấu tranh cho công lý, cố xúy bản tính hướng thiện nơi con người, tham gia công tác phục vụ, hoàn toàn phó mình cho Thiên Chúa, và gắn bó với những gì là siêu việt qua các biểu tượng, các nghi lễ và qua cả chính cuộc sống của mình; nói thế không có nghĩa là yếu đuối và tội lỗi,

là những nét cố hữu của bản chất con người, không còn có mặt nữa.

2.3 Việc đánh giá tích cực kia còn bắt nguồn từ thâm tín của niềm tin xác quyết rằng chương trình Thiên Chúa cứu độ loài người chỉ duy nhất có một, và bao trùm hết mọi dân tộc: đó chính là Nước Thiên Chúa, Nước mà qua đó, Ngài tìm cách hòa giải mọi sự với chính mình nơi Đức Giêsu Kitô. Giáo hội là bí tích của mầu nhiệm này — tức là một cách thức thể hiện qua biểu tượng còn đang trong thời tiến hành sự mạng trên đường hướng tới lúc hoàn thành (*ASMD* 1:5; *BIRA* IV/2). Nhận định cho ra sự việc Thiên Chúa hoạt động nơi các dân tộc để đưa dẫn họ đến chỗ thành toàn là một phần cấu thành trong toàn bộ sự mạng ấy. Đối thoại là cách thức duy nhất để có thể thực hiện công tác nhận định đó trong tinh thần tôn trọng một đàng là sự hiện diện cùng hoạt động của Thiên Chúa, và đàng khác là quyền tự do lương tâm của tín đồ các tôn giáo khác [x. *ASMD* 10-12; Thông điệp *Ecclesiae Sanctae* (*ES*), 41-42; *ĐCĐCN* 11-12].

2.4 Nhấn mạnh đến (tính cách nhất quán) đường lối duy nhất trong phương án Thiên Chúa đã đề ra cho nhân loại và cho sứ mạng của Giáo hội liên quan đến điểm nhận định trên đây, Đức Gioan Phaolô II đã nói: “Nếu phương án dựa theo một quy trình duy nhất đã có thể truy nguyên ra được ngay từ trong công cuộc tạo dựng và công trình cứu độ, và do đó đã thực sự phát nguyên từ Thiên Chúa, thì những khác biệt kia — ngay cả những điểm dị đồng về mặt tôn giáo — thực ra cũng chỉ là những sự kiện phát sinh từ ‘cảnh trạng cuộc sống loài người,’ và vì thế, cần phải được khắc phục trong khi tiến bước trên đường thực hiện phương án hùng vĩ với quy trình duy nhất ấy, phương án quy hoạch toàn bộ công trình tạo dựng. Không ai chối cãi được là có những khác biệt phản ánh tài năng và những giá trị tinh thần phong phú Thiên Chúa đã ban cho các dân tộc (x. *HĐTG* II). Tôi không có ý nói đến những khác

biệt ấy; những khác biệt mà tôi muốn đề cập đến ở đây là những khác biệt để lộ rõ những giới hạn, những đổi thay và những sa sập của tinh thần con người từng bị thần dữ đục khoét tận trong gốc rễ, như đã thấy qua lịch sử loài người (x. *ASMD* 16)... Giáo hội được kêu gọi đem hết sức năng mình ra (rao truyền Tin Mừng, cầu nguyện, đối thoại) mà hoạt động làm sao để những vết thương và những mối chia rẽ giữa loài người — tức là những gì phân cắt con người ra khỏi Nguồn gốc và Cùng đích của mình, và làm cho họ thù hằn lẫn nhau — được chữa lành; điều đó cũng muốn nói rằng dù có đi giữa một tiến trình lịch sử vô cùng phức tạp, và sống với những nền văn hóa rất đối khác nhau của mình, thì toàn thể nhân loại cũng đều được “mời gọi làm thành Dân Mới của Thiên Chúa” (*ASMD* 13), trong đó, mỗi giây hồng phúc kết hợp con người với Thiên Chúa, và tinh đoàn kết hiệp nhất trong gia đình nhân loại được phục hồi, được củng cố và tăng cường” (Bài ngỏ lời với Giáo triều Rôma, ngày 22 tháng 12, 1986, số 6).

2.5 Tại Châu Á ngày nay, người kitô chỉ là một “đoàn chiên nhỏ bé.” Điều này có thể đưa họ đến chỗ giữ thế tự vệ. Chỉ khi họ có kinh nghiệm về mâu nhiệm trong chính cuộc sống cá nhân của mình, trong cuộc sống bí tích và cộng đoàn, chỉ khi họ biết giao tiếp sinh động với tín đồ các tôn giáo khác trong tinh thần cởi mở và tín nhiệm, và biết ý thức sâu sắc về những chiều kích phổ quát trong phương án của Thiên Chúa, cũng như biết coi công tác hoàn thành đời sống làm người của chính mình là một sứ mạng, thì lúc đó, người kitô mới nhận ra được là mình có nghĩa vụ phải đối thoại. Nghĩa vụ ấy không may mắn giảm nhẹ đi, chỉ vì tín đồ các tôn giáo khác không tỏ ra quan tâm gì đến đối thoại cho bằng người kitô; bởi lẽ, đối thoại không phải đơn thuần là việc thử đi tìm một cách chung sống giữa các tôn giáo, mà là một đòi hỏi do chính cuộc sống của Giáo hội — một cuộc sống được hiểu theo ý nghĩa là sứ mạng — đặt ra cho Giáo hội. Thái độ tha thiết

quan tâm và lòng quyết chí kiên cường nảy sinh từ ý thức về nghĩa vụ đối thoại sẽ làm cho Giáo hội có khả năng không những đối thoại riêng rẽ với từng tôn giáo, mà còn thực hiện được công tác phục vụ cho lý tưởng đoàn kết bằng cách tạo điều kiện dễ dàng cho việc gặp gỡ và hợp tác giữa các tôn giáo. Một cách kiểu phục vụ như thế cho lý tưởng đoàn kết nhất định sẽ khơi dậy vấn đề cần phải giải quyết về những mối chia rẽ đang còn tồn tại ngay giữa các Giáo hội kitô tại Châu Á, và sẽ mạnh mẽ thôi thúc các Giáo hội nhanh chân tiến bước hướng đến chỗ hiệp thông đại kết. Và thay vì cản ngăn, thì cuộc hành trình hướng về hiệp thông này càng cổ vũ các Giáo hội gia công tích cực hơn nữa để cùng nhau mạnh mẽ làm chứng cho niềm tin của mình vào Đức Giêsu và Nước của Người.

LUẬN ĐỀ 3

Đối thoại liên tôn là một nghĩa vụ đối với tất cả chúng ta, những người kitô tin vào mầu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi; vì lẽ, đó là mầu nhiệm hiệp thông trong đối thoại liên ngôi vị. Đưa dẫn hết thảy chúng ta đến chỗ hiệp nhất là hoạt động duy nhất và chung quyết Thiên Chúa Cha tiến hành nhằm cứu độ mọi người, là những tạo vật bắt nguồn từ Ngài và đang quy hồi về với Ngài. Trong Đức Kitô, Thiên Chúa giao hòa mọi sự với chính mình; bởi thế, Đức Kitô hằng thúc đẩy Giáo hội phục vụ cho thật đắc lực công trình xây dựng hiệp thông toàn diện ấy. Thánh Linh hiện diện và hoạt động khắp nơi, cũng không ngừng mời gọi mọi người góp sức thực hiện công trình nhất thống Nước Chúa. Hiểu theo nghĩa chỉ về một cung cách ứng đáp đối với mầu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi, đối thoại là một tiến trình lớn lên trong đời sống sung mãn của Thiên Chúa. Đối thoại là tham dự vào trong nỗ lực chung của mọi người

đang cố tìm cách để thể hiện Chân Lý cho toàn vẹn. Đối thoại là chính **TÌNH THƯƠNG** cho những ai đang đi tìm hiệp thông trong Thiên Chúa Ba Ngôi.

3. Lời bàn

3.1 Cơ sở trên đó chúng ta xây dựng công trình đối thoại liên tôn, là chính đức tin của chúng ta: niềm tin vào quyết định cứu độ phổ quát của Thiên Chúa, Đấng hằng đưa dẫn bằng một lối ngõ nào đó, mọi người đến với hiệp nhất, và cơ sở ấy cũng chính là những nỗ lực chúng ta đưa ra nhằm nhận diện cho rõ những hệ lụy mà việc tuyên xưng niềm tin ấy có đối với cách kiểu chúng ta hiểu về lịch sử và về vai trò của cá nhân chúng ta ở trong lịch sử. Điều đó còn quan yếu hơn cả việc cần phải cùng chung sống trong cuộc sống thực tế giữa một xã hội có nhiều tín đồ thuộc các tôn giáo khác nhau. Và đó cũng chẳng phải là hệ quả của quan điểm hiện tượng học cho là mọi tôn giáo đều giống như nhau, ít ra là về mặt chức năng.

3.2 Có một lối quan niệm cổ truyền về lịch sử cứu độ, cho rằng diễn tiến của lịch sử này là một quá trình thu hẹp dần phương án và hoạt động của Thiên Chúa, đi từ muôn dân muôn nước cho đến Dân Do thái, rồi đến Đức Giêsu, để sau đó lại rộng mở ra cho toàn thể giới qua Giáo hội và sứ mạng của Giáo hội. Thái độ coi trọng các tôn giáo khác, nhận đó là những nhân tố quan yếu và tích cực trong kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa, đã đưa ra một mô mẫu mới lấy Nước Thiên Chúa làm trung tâm, quy hướng về tương lai và mang tính chất tam vị (Ba Ngôi). Phương án Thiên Chúa đưa ra nhằm cứu độ muôn dân là một phương án đơn thuần có một. Thiên Chúa Cha, Ngôi Lời và Thánh Linh hằng không ngừng hoạt động trong thế giới. Thiên Chúa Cha đã thiết kế phương án cứu độ phổ quát từ trước cả khi tạo thành vũ trụ (Ep 1,3-6); và Ngài đã vén mở cho chúng ta biết về thiên ý nhiệm mầu: đó là khi đã đưa thời gian tới hồi viên mãn, Ngài sẽ quy

tụ mọi sự về một mối trong Đức Kitô (Ep 1,9-10). Đức Kitô, Lời mà nhờ đó mọi sự được tạo dựng, đã trở thành xác thể và biểu hiện màu nhiệm cứu độ của Thiên Chúa qua cuộc tử nạn và phục sinh của mình (Cl 1,14-16). Thiên Chúa Cha đã muốn làm cho tất cả sự viên mãn hiện diện ở nơi Người; và, sau khi đã đem lại bình an nhờ máu Người đổ ra trên thập giá, Thiên Chúa giao hòa muôn vật với chính mình (Cl 1,19-20). Qua sự hiện diện cùng tác động của một Thánh Linh duy nhất, mối giao hòa và niềm bình an ấy đã được dành để cho tất cả mọi người và tỏa lan đến tận mọi dân mọi nước gần xa (Ep 2,17-18), bằng những cách thế không ai biết nổi. Cho dù tất cả các tôn giáo đều đóng giữ một vai trò trong phương án nhiệm màu của Thiên Chúa, thì Giáo hội cũng ý thức rõ là mình đang tiếp tục tiến hành màu nhiệm của Đức Giêsu ở giữa thế giới, cũng như đang làm dấu chỉ, làm bí tích của Nước Thiên Chúa. Nước Chúa sẽ chỉ đạt đến mức sung mãn chung cục trong ngày cuối cùng. Trong thời gian trước ngày cánh chung, qua nhiều trung gian khác nhau, Thiên Chúa hằng không ngừng kêu gọi tự do con người tuân phục ý của Ngài, và thực sự còn người đang lấy lòng tin cùng việc lành mà đáp lại lời kêu mời ấy. Vậy, nên cẩn trọng, đừng tách biệt hai chiều kích trong cuộc sống đức tin ra khỏi nhau: một bên là việc dẫn thân vì đức tin, và bên kia là các tín điều, các biểu tượng, các nghi lễ cùng hành động làm trung gian biểu đạt, tán tụng và thể hiện niềm tin ấy ra trong cuộc sống. Trong thân phận làm người mang xác thể của chúng ta, không có một niềm tin nào là vô tôn giáo cả; như thế, không những bởi vì Ngôi Lời đã trở thành xác thể, mà còn vì lẽ chúng ta là những “tinh thần-trong-xác thể.”

3.3 Thế thì, nền móng của công trình đối thoại nằm ở nơi chính Thiên Chúa, nơi Thiên Chúa Ba Ngôi: ở trong quyết định sáng tạo và cứu độ của Thiên Chúa Cha, ở trong hành động cứu chuộc với làm hữu hiệu hoàn vũ của Đức Giêsu, Đấng Kitô, và ở trong màu nhiệm tái tạo với sức năng kiện toàn vô song của Thánh Linh. Đối thoại là

công trình của lịch sử: vì đó là bước đường tiến dần lên trong công cuộc hợp nhất mọi sự, do tác động của Thiên Chúa vào trong lịch sử, cũng như do nỗ lực hợp tác của tự do con người vào trong việc xây dựng tương lai của chính mình. Đối thoại là công trình của loài người: vì đó là dạng thức biểu hiện tập thể của cuộc hành trình chung mà muôn dân đang hăm hở thực hiện nhằm đạt tới mức hoàn bị. Đối thoại là công trình của Giáo hội: vì đó chính là bản chất, là cuộc sống của Giáo hội, hiểu theo nghĩa là sứ mạng.

3.4 Sự thật và tình yêu là những giá trị phổ quát và tuyệt đối: chính những giá trị này đang mạnh mẽ thúc đẩy chúng ta hăng hái tiến bước trên con đường đối thoại, bởi vì bao lâu chỉ mới được sống có một phần, thì bấy lâu các giá trị ấy vẫn còn gào thét đòi phải được thực thi cho trọn vẹn. Là Đấng vén mở cho thấy và thực hiện trọn vẹn phương án cứu độ nhiệm mầu của Thiên Chúa, Đức Giêsu đã sinh ra để làm chứng cho Sự Thật (Ga 18,37) và đồng thời cũng chính là “Sự Thật” (Ga 14,6). Nơi Ngài, là Lời nhập thể của Thiên Chúa, các Tông đồ và Giáo hội thời sơ khai đã chiêm ngưỡng thấy vinh quang của Con Một Thiên Chúa, đầy tràn ân sủng và sự thật. Niềm tin của chúng ta vào Đức Kitô là do Thánh Linh làm cho nảy sinh nên, được chính Ngài nuôi dưỡng và củng cố: chính Ngài là Thần Khí sự thật, là Đấng sẽ đưa dẫn chúng ta đến tận Sự Thật toàn vẹn (Ga 16,13). Vì vậy, niềm tin của chúng ta vào Đức Giêsu Kitô thổi thúc chúng ta mạnh mẽ dần bước vào trong công cuộc đối thoại với các tôn giáo khác, ngõ hầu qua những nỗ lực tìm kiếm chung, nhận cho ra và đạt cho tới được Sự Thật toàn vẹn. Đức Phaolô VI đã nhận định là: “Trước khi phát biểu, cần phải lắng nghe: không những lắng nghe tiếng của một người, mà còn lắng nghe cả con tim của người ấy nữa... Tinh thần của đối thoại là tình bằng hữu và, còn hơn thế nữa, là hành động phục vụ” (*Ecclesiam Suam* 87). Đối thoại khởi xuất từ “đàn năng động nội tâm của bác ái” (*ES* 64). Đức Gioan Phaolô

II coi đối thoại như là một cuộc tìm kiếm sự thật: “Đối thoại là một phương cách tìm kiếm sự thật và chia sẻ sự thật với người khác. Bởi vì sự thật là ánh sáng, là sự mới mẻ và là sức mạnh” (Bài ngỏ lời với Các Vị Lãnh đạo Tôn giáo tại Madras, ngày 5 tháng 2, năm 1986, số 4).

LUẬN ĐỀ 4

Công cuộc đối thoại liên tôn là một cách thức truyền thông cũng như chia sẻ sự sống, kinh nghiệm, quan điểm và cảm nghĩ giữa tín đồ các tôn giáo khác nhau, cố cùng nhau tìm cách khám phá cho ra những gì Thánh Linh đang thực hiện ở giữa họ. Xóa tan thành kiến, đối thoại tiến dần đến chỗ hiểu biết lẫn nhau và làm cho nhau phong phú thêm, tiến dần đến chỗ cùng nhau làm chứng trong tinh thần nhận định sáng suốt, cũng như cùng nhau dấn thân trong công tác cổ xúy và bảo vệ những giá trị nhân bản và tinh thần có sức đưa dẫn đến những mức độ kinh nghiệm thiêng liêng sâu sắc hơn. Đó là một cuộc đồng hành trong niềm hiệp thông của lòng trí và tâm can, hướng tới tụ điểm tiêu đích, về nơi Thiên Chúa hằng kêu gọi mọi người, mọi dân nước tiến đến, tức là Nước Chúa.

4. Lời bàn

4.1 Đối thoại liên tôn trước tiên, không phải là một mối quan hệ giữa hai tôn giáo hiểu theo nghĩa là những cơ chế xã hội, cũng không phải là một cách đối chiếu giữa hai tín ngưỡng hay hai dạng thần học, và cũng chẳng phải là một loại liên minh chiến thuật để tiếp tay cho hoạt động chính trị. Đối thoại là mối liên hệ giữa những người có lòng tin, thâm tín về và sống chết cho niềm tin của mình, nhưng đồng thời lại cởi mở với các tín hữu khác và với Thánh Linh, bởi ý thức rằng hết thảy mọi người đều

có chung cùng một nguồn gốc và cùng một cùng đích. Do đó, việc chia sẻ xác tín và kinh nghiệm thì quan trọng hơn là việc bàn cãi về các quan điểm tư tưởng.

4.2 Cách kiểu đối thoại như thế tất không phải chỉ dành cho các chuyên gia, mà là cho tất cả mọi người: từ tín hữu “thường” cho đến các nhà thần học, các nhà tu hành. Nó tiến hành ở mọi mức độ: trong cuộc sống chung hằng ngày thể hiện qua những sinh hoạt kinh tế, xã hội và chính trị, là những sinh hoạt mang tính thần và nằm trong tầm tác động của tôn giáo; trong việc chia sẻ kinh nghiệm tôn giáo, mà đôi lúc đưa tới chỗ có những hành động cụ thể như là cầu nguyện chung; trong nỗ lực đưa ra một nhãn quan chung về một mẫu xã hội mới cho nghệ thuật, cho cung cách dùng biểu tượng và cho tổ chức các lễ mừng; trong việc chia sẻ suy tư thần học theo ánh sáng của niềm tin, về những kinh nghiệm và những thách đố mà mỗi cá nhân hay toàn thể cộng đoàn đã sống qua.

4.3 Có thể dựa theo thứ tự làm mức trọng yếu tăng dần mà liệt kê những tiêu đích đối thoại nhắm tới, như sau: hiểu biết lẫn nhau, thành quả này giúp đánh tan những thành kiến và đẩy mạnh nỗ lực tìm hiểu cũng như quý trọng lẫn nhau; làm cho nhau thêm phong phú, bởi mỗi bên đều tìm cách để hòa nhập vào trong di sản của mình những giá trị và kinh nghiệm đặc thù của các tín đồ khác, hoặc là đã được khai triển trong một cung cách tốt đẹp hơn bởi các tín đồ khác nhờ có được những điều kiện văn hóa, lịch sử hay quan phòng đặc biệt; cùng nhau dần thân làm chứng và cổ xúy cho những giá trị nhân bản và tinh thần — như là: hòa bình, thái độ tôn trọng sự sống con người, phẩm giá con người, bình đẳng và tự do, công lý, cộng đoàn và tự do tôn giáo — bằng cách gây ý thức, cầu nguyện và đặt ra những chương trình hoạt động cụ thể; chia sẻ kinh nghiệm tôn giáo theo một quá trình liên tục và ngày càng tiến thêm vào chiều sâu để vươn cho tới sự tuyệt đối.

4.4 Sống đời tín đồ thuộc một tôn giáo trong một xã hội đa tôn giáo là ở vào một trạng huống phức tạp. Đối với một tín hữu, cộng đoàn tôn giáo đầu tiên dĩ nhiên là cộng đoàn gồm những người chia sẻ cùng một niềm tin với mình. Đối với tín hữu kitô, cộng đoàn đầu tiên ấy rõ ràng là chính cộng đoàn Thánh Thể. Nhưng cùng lúc, những người sống trong một xã hội đa tôn giáo cũng là thành phần của cộng đoàn nhân loại, và cộng đoàn này thì không chỉ giới hạn ở trong khuôn khổ các lãnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội và chính trị mà thôi. Còn có cả một cộng đoàn ở trong lãnh vực tôn giáo nữa, với những khác biệt tiềm ẩn còn cần phải được thăm dò và nghiệm xét cho ra qua đối thoại. Do đó, muốn xây dựng một lối sống hợp với lẽ thường và một đơn vị tổ chức có khả năng sinh tồn trong một xã hội đa tôn giáo, thì xem ra cần phải chọn mẫu dạng cộng đoàn cơ bản nhân đạo, trong đó, các tôn giáo không mấy may làm có sinh khác biệt và gây chia rẽ, nhưng ngược lại, có sức dùng đối thoại mà giúp cho nỗ lực chung của con người đạt tới được cảnh trạng giải phóng và mức thành tựu trọn vẹn. Sống giữa một xã hội đa tôn giáo, nhận mình là phần tử của cộng đoàn nhân đạo như thế kia là điều xem ra hiển nhiên đối với những người kitô biết ý thức về sứ mạng mình đang có bốn phận thực thi. Một cộng đoàn như thế là một cộng đoàn có sức làm biểu tượng theo cung cách riêng của nó, cho Nước Thiên Chúa.

LUẬN ĐỀ 5

Cuộc đối thoại liên tôn diễn ra trên những bình diện khác nhau, và liên hệ đến cả các cá nhân lẫn các cộng đoàn. Được Thánh Linh tác động và đi từ những khía cạnh bên ngoài để tiến dần đến những khía cạnh bên trong của cuộc sống, cuộc đối thoại ấy dẫn tới những mức hiệp thông ngày càng sâu thẳm hơn trong Thánh Linh, mà chẳng những không mấy may phương hại đến kinh nghiệm tôn giáo đặc thù của

mỗi cộng đoàn, nhưng còn giúp đào sâu thêm kinh nghiệm ấy. Mỗi hiệp thông ấy biểu hiện qua nhiều hình thức khác nhau, như: cầu nguyện chung, cùng nhau đọc Kinh Thánh và các Sách Thánh, cũng như cử hành những lễ mừng, và cùng ra sức thực hiện những hoạt động giải phóng theo một mục tiêu chung, tức là nhằm linh động hóa cùng cải hóa tinh thần của văn hóa và cục diện của xã hội. Có thể là bởi có chung cùng một lịch sử hoặc là vì những lý do khác, các tôn giáo cảm thấy gần gũi với một số tôn giáo hơn là với những tôn giáo khác. Do thực trạng bất toàn và tội lỗi của thân phận làm người, tất cả các tôn giáo đều được mời gọi để liên tục thực thi công tác cải hóa canh tân, căn cứ theo phán định của Thánh Linh và những nhận định phê bình xây dựng của nhau. Nỗ lực canh tân này tất sẽ bao hàm cả việc tha thứ cho nhau và hòa giải với nhau nữa.

5. Lời bàn

5.1 Cuộc đối thoại liên tôn là một việc làm tương đối dễ thực hiện giữa các cá nhân và giữa các nhóm nhỏ. Còn trên bình diện những cộng đoàn rộng lớn hơn, thì đó là một việc khó thực hiện hơn nhiều. Trước hết, các cộng đoàn chỉ có thể tham gia cuộc đối thoại liên tôn qua một vài hoạt động hay dự án chung, như là: cầu nguyện chung, mừng lễ chung, hay hoạt động chung nhằm cổ xúy hoặc bảo vệ các giá trị nhân bản và tinh thần. Ngay cả khi chỉ hoạt động có như thế, thì cộng đoàn cũng phải được chuẩn bị trước, đặc biệt là bằng cách xóa bỏ đi những thành kiến do thiếu hiểu biết mà có từ ngày trước, và bằng cách giúp cho làm quen với những kiến thức nhập môn về một lối quan niệm mới mẽ trong cách suy tư thần học và tu đức, khả dĩ đưa các phần tử trong cộng đoàn đến chỗ biết nhìn các tín đồ khác với một cặp mắt không phê phán, mà vẫn giữ được cho thâm tín mình có về căn tính của mình khỏi

bị đe dọa. Cũng cần phải ý thức cho họ biết đặt ích chung lên trên những lợi ích chỉ tích lũy cho riêng nhóm mình. Họ cũng còn cần phải được chuẩn bị để sẵn sàng và đủ sức đương đầu chống lại sức ép đến từ phía những người theo chủ trương công xã và những người duy chính thống quá khích, cũng như từ phía những người theo trào lưu tục hóa.

5.2 Đối thoại không có nghĩa là cố cùng nhau tìm cho ra mẫu số chung nhỏ nhất, và cố lờ đi để khỏi biết đến những gì có thể gây ra bất đồng. Đối thoại sẽ không đem lại ích gì, nếu không biết trung thành cho trọn vẹn với kinh nghiệm đức tin của chính mình. Thực tế cho thấy rằng mở lòng ra trước kinh nghiệm của người khác, là một cách thế giúp làm sáng tỏ và đào sâu thêm kinh nghiệm riêng của mình. Tìm cách giải thích cho một tín đồ khác về niềm tin của mình, cũng là một cách thế tốt để làm sáng tỏ cho cả chính mình những gì mình tin. Theo cách ấy, đối thoại sẽ dẫn đến chỗ làm cho nhau nên phong phú thêm, chứ không phải là ra nghèo nàn đi.

5.3 Đối thoại là một tiến trình. Thường thì tiến trình ấy khởi đầu với thái độ khoan dung và chung sống hòa bình. Sau đó, nó sẽ đi dần đến bước đối thoại trong cuộc sống bằng cách đẩy mạnh thái độ chấp nhận lẫn nhau, và có khi cả lòng cảm phục lẫn nhau nữa. Bước kế tiếp có thể là việc cùng hợp tác vào những kế hoạch chung trong các lãnh vực xã hội và văn hóa, tựa như là trường hợp các đảng phái chính trị khác nhau cùng đồng ý về một chương trình làm việc chung với nhau. Việc chia sẻ những kinh nghiệm thiêng liêng một cách sâu xa hơn, cũng sẽ dễ dàng, đặc biệt là đối với những người đã thành thạo trong lãnh vực ấy, như các nhà tu hành chẳng hạn (DM 29-35). Đối thoại sẽ thực sự đối diện với thử thách, khi một phía gặp phải bất đồng với phía bên kia trong những gì một hoặc cả hai phía coi là giá trị căn bản, mà hai bên vẫn tiếp tục cùng sống và làm việc với nhau. Tình trạng mâu

thuần về những giá trị tuyệt đối bao giờ cũng là một cảnh trạng khó khăn. Trong bình diện các tín điều, ít là về mặt thực tế, có thể cố gắng để tạm ngưng chú ý đến các điều ấy và để dồn cả tâm trí vào những gì là chung của cả đôi bên, và những gì khả dĩ giúp cho việc hợp tác trong thực tế tiến hành được. Tuy nhiên, khi vì một giá trị tuyệt đối mà phải quyết định một sự lựa chọn cụ thể về mặt luân lý, mà theo lương tâm không thể chấp nhận được, thì lúc đó đối thoại trở thành hết sức khó khăn. Lý tưởng mà nói, thì ngay cả trong trường hợp ấy, cũng vẫn có thể giữ được lòng tôn trọng — tôn trọng lương tâm — đối với nhau. Tuy nhiên, đã đến mức đó, thì đơn thuần giữ thái độ chấp nhận và chung sống là chuyện xem ra thực tế hơn, cho dù vẫn phải cố gắng tiếp tục đối thoại.

5.4 Trọng tâm của một cuộc đối thoại xứng với danh nghĩa đó, là công trình chung xây một cộng đồng nhân loại mới. Tất nhiên, công tác này phải tiến hành qua một quá trình hội nhập văn hóa, trong đó, các tôn giáo “nhập thể” vào giữa lòng một nền văn hóa, và biến cải nó từ bên trong bằng cách đặt nó vào thế phải trực diện với một hệ thống giá trị mới. Trong bước đường đối thoại, các tôn giáo có thể cùng nhau tiến hành công tác hội nhập ấy giữa nền văn hóa của một dân tộc nhất định. Nếu không, thì sẽ xảy ra tình trạng hoặc là một tôn giáo nào đó nắm giữ địa vị bá chủ và thực sự đóng vai trò làm động lực toàn diện của nền văn hóa quốc gia, hoặc là một thứ tôn giáo “đời” (*civil*) được khai triển để hỗ trợ cho xã hội dân sự, còn các tôn giáo chân chính thì bị giam chặt vào trong khuôn khổ của phạm vi cá nhân riêng tư.

5.5 Nhưng thử hỏi các tôn giáo có đóng giữ cho hữu hiệu và cho trọn vẹn được vai trò kia mà không cần phải, một cách nào đó, tích cực tham dự như là một phần tử, vào trong lãnh vực đời sống công giữa xã hội hay không? Nhà nước — tức là guồng máy chính trị — tự bản chất, thì không được mang đầu óc đảng phái, thiên vị. Thế nhưng,

cộng đoàn xã hội cũng không được giữ thái độ hoặc là vô tôn giáo hay là bài tôn giáo. Trong trường hợp đó, ngoài việc nói lên sự có mặt của mình qua các hoạt động chung về phương diện chính trị, mối thông hiệp giữa các tôn giáo còn cần phải tìm cho ra những cách thức diễn đạt chung khác nhằm biểu hiện sự có mặt của mình rõ ra trong đời sống công ở giữa xã hội, như đã từng đề cập đến ở trên kia (chẳng hạn: cầu nguyện chung, cùng nhau đọc Kinh Thánh, mừng lễ chung... x. supra 4.2-3; 5.2,3). Chỉ mới nghe nói đến những hình thức kia không thôi, thì một số người cũng đã cảm thấy sợ phải rơi vào cảnh hỗn hợp tôn giáo. Một khi đã biết vượt hẳn ra ngoài những kiểu phân biệt hời hợt đúng/sai trong lãnh vực tôn giáo, tất phải nhận rằng hoạt động chung là một việc khả thi, để không nói là một nghĩa vụ. Nếu biết nhận ra rằng các tôn giáo khác là những nhân tố tích cực trong phương án cứu độ của Thiên Chúa, thì dĩ nhiên là có thể nghĩ đến chuyện cầu nguyện chung trong những gì các tín ngưỡng đều nhất trí tán đồng. Cần phải cẩn trọng nhận diện cho rõ các điểm cùng được tán đồng này, nhưng phải nhận diện bằng cách nào nếu không phải là bằng chính công tác đối thoại liên tôn. Những biểu tượng mang cùng một ý nghĩa chung đối với mọi bên tham gia đối thoại, thì có thể dùng chung được. Nếu những biểu tượng tự nhiên như: ánh sáng, lửa và nước, cùng những biểu tượng xã hội như: những hình thức chào hỏi, chào mừng, chia sẻ của ăn, v.v. thường được mọi bên hiểu như nhau, thì ngược lại, bởi có một quá trình lịch sử hay huyền thoại hoặc truyền thống riêng, cho nên mỗi tôn giáo đều có những biểu tượng đặc thù của riêng mình; do vậy, các biểu tượng này không thể được dùng vào trong những cuộc lễ cùng mừng chung.

5.6 Ở đây, không có ý bàn đến việc một tôn giáo sử dụng hay thấu nhận hoặc giải thích lại (hiểu theo một ý nghĩa mới) các biểu tượng của một tôn giáo khác trong một bối cảnh tín ngưỡng tương tự. Những biểu tượng có tính cách đa dụng và từ căn bản đã mang sẵn một ý nghĩa

tự nhiên hay nhân bản hoặc xã hội trước khi được một tôn giáo lồng cho một ý nghĩa đặc biệt, thì đều có thể được giải thích lại, tức là hiểu theo một ý nghĩa mới, trong một bối cảnh tôn giáo khác.

5.7 Một vấn đề tương tự cũng được đặt ra đối với việc tham dự vào các nghi lễ của một tôn giáo khác. Vì các nghi thức tôn giáo là những hành động mang tính chất biểu tượng đặc thù của một cộng đoàn, thế nên một người không thuộc cộng đoàn ấy, thì không thể tham dự tích cực và đầy đủ vào trong các nghi thức kia được. Dĩ nhiên là có thể hiện diện với tất cả lòng thành kính. Và nếu được xác định cho rõ tùy theo hoàn cảnh cụ thể, thì việc thông hiệp thực sự tới một mức độ nào đó giữa các tín hữu cũng là việc xem ra có thể được. Tuy nhiên, cần phải tránh thái độ khinh suất đối với các biểu tượng tôn giáo, coi đó “chỉ là biểu tượng,” và chủ trương cho là có thể phớt lờ chúng đi để vượt lên cao hơn hầu đạt thẳng tới chính thực tại đức tin mà chúng biểu trưng. Các biểu tượng thì có liên hệ với thực tại chúng biểu trưng. Tuy nhiên, có thể là chúng mang một ý nghĩa tuyệt đối đối với tín đồ của một tôn giáo, đặc biệt là trong các nghi thức quá độ.

5.8 Mối liên quan thân cận giữa các tôn giáo thì khác nhau tùy các tôn giáo liên hệ: Kitô giáo thường cảm thấy đặc biệt gần gũi với Do Thái giáo, và ngay cả với Hồi giáo; Ấn Độ giáo và Phật giáo thì có những nguồn gốc chung và cảm thấy có một mối tình huynh đệ đặc biệt đối với nhau; còn Phật giáo thì đã từng trải qua một kinh nghiệm chung sống lâu dài với Khổng giáo và Thần giáo.

5.9 Có thể cùng nhau cầu nguyện cho hòa bình chẳng hạn, nếu biết ý thức tất cả mọi người đều là phần tử trong cộng đoàn đang ở trước sự hiện diện của sự tuyệt đối. Vì là những tài liệu cơ bản ưu thế của một tôn giáo, nên các Kinh sách (thánh) cũng được chúng ta coi trọng với cùng một lòng trọng kính chúng ta có đối với các tôn giáo khác. Nếu bằng một cách thức nào đó, Thiên Chúa đã dùng các

Kinh sách ấy mà nói với một dân tộc, tất chúng cũng chứa đựng một sứ điệp cho hết mọi dân tộc. Khi tìm hiểu ý nghĩa của sứ điệp ấy trong bối cảnh kinh nghiệm niềm tin của mình, mọi tín hữu đều có thể cảm nhận ra những thách đố sứ điệp ấy đặt ra cho chính mình, hay ít ra là có thể ý thức sâu đậm hơn về niềm hiệp thông với tín đồ các tôn giáo khác, bởi cố dịp khám phá ra những kinh nghiệm tương tự như kinh nghiệm mình đã sống qua. Các dịp cùng nhau mừng lễ theo mùa hay theo những biến cố trong cuộc sống xã hội, như mừng Xuân, mừng mùa gặt, mừng lễ tạ ơn, v.v. trong khung cảnh tôn giáo hoặc là cả liên tôn nữa, sẽ làm cho cảm thức về sự việc mọi người đều cùng có một cuộc sống và một định mệnh chung, càng kiên vững thêm.

5.10 Nhận định về các truyền thống tôn giáo Châu Á, các giám mục trong vùng đã nói rằng: “Trường kỳ và biết cần trọng cân nhắc, thì cuộc đối thoại với các truyền thống ấy về cầu nguyện (là một việc, như sẽ thấy, khả thi, hữu ích và sáng suốt trong nhiều hoàn cảnh khác nhau), sẽ vén mở cho chúng ta thấy những gì Thánh Linh đã dạy cho những người khác để họ biết cách biểu đạt (tâm tình) bằng nhiều phương thức kỳ diệu và khác nhau. Có thể là các phương thức này khác với lễ lối của chúng ta, nhưng qua chúng, cả chúng ta nữa, cũng có thể nghe được tiếng của Ngài mời gọi chúng ta nâng cao tâm hồn lên cùng Chúa Cha” (*FABC II*, 35). Bình luận về ngày cầu cho hòa bình tại thành phố Assisi, với sự hiện diện của nhiều vị lãnh đạo tôn giáo khác nhau, Đức Gioan Phaolô II đã nhận định là: “Không thể nào có được hòa bình, nếu không cầu nguyện: lời nguyện cầu của mọi người; mỗi người cầu theo bản sắc riêng của mình và trong tinh thần kiếm tìm sự thật... quả thế, có thể xác nhận được rằng mọi lời cầu chân chính đều là do Thánh Linh phát động, Ngài là Đấng hằng hiện diện một cách nhiệm mầu trong tâm hồn của mỗi người. Đó cũng là điều thấy rõ được tại Assisi đây: thấy rõ ở trong mỗi hợp nhất biểu hiện qua sự kiện mọi

người nam cũng như nữ, đều có khả năng cầu nguyện, tức là có khả năng phó thác trọn vẹn con người của mình vào trong bàn tay của Thiên Chúa, và nhìn nhận mình chỉ là một tạo vật nhỏ bé hèn trước nhan thánh Ngài. Cầu nguyện là một trong những phương thế để thực hiện kế hoạch Thiên Chúa đã đề ra cho loài người (x. *HĐTD* 3)” (Tháng 12, 1986, số 11).

5.11 Các tôn giáo bổ tửc cho nhau không phải là trong mối quan hệ với Đấng Tuyệt đối mà tôn giáo nào cũng cảm thấy cần phải tận tình phụng sự, nhưng là trong những cung cách mang tính chất lịch sử và văn hóa qua đó, loài người lữ hành đã cảm nghiệm ra cùng biểu đạt lên mối quan hệ của mình đối với Đấng Tuyệt Đối, và ý nghĩa trọng yếu Ngài mang lại cho đời sống mình.

5.12 Từ “tôn giáo” bao hàm một ý nghĩa rộng rãi, và vì thế mà có thể bị tiếm dụng bởi bất cứ một nhóm duy công xã hay cực đoan nào. Những nhóm như thế có thể tìm thấy ở ngay trong các tôn giáo lớn, kể cả Kitô giáo. Dù sứ mạng kitô có đưa chúng ta đến chỗ liên hệ với mọi người, và dù chúng ta có bốn phận phải tôn trọng phẩm giá và tự do của mỗi người, thì mối quan hệ chúng ta có đối với những nhóm như thế cũng không thể và không cần phải được giới hạn vào phương thức đối thoại như được trình bày trong các trang viết này. Vì thế, cần phải nhận định, đã dành là với thái độ cởi mở, nhưng vẫn phải luôn luôn dựa theo đường hướng của quyết tâm rao truyền và xây dựng Nước Thiên Chúa, là món quà Ngài ban tặng cho mọi dân nước, cho mọi người.

5.13 Thánh Linh đối thoại không phải bao giờ cũng hiện diện ở trong các mối quan hệ giữa các tôn giáo. Nhiều lúc, các quan hệ này đã làm cơ gây ra xung đột giữa các dân tộc. Vì vậy, hòa giải và tha thứ cho những vết thương gây ra do thiếu hiểu biết, do thành kiến hoặc là do cả ác ý nữa, cũng là một chiều kích chủ yếu trong công tác đối thoại.

LUẬN ĐỀ 6

Đối thoại và công bố là những chiều kích không thể thiếu, tức là những chiều kích cấu thành — nhưng đồng thời lại có tính cách biện chứng và bổ túc cho lẫn nhau — trong sứ mạng rao truyền Phúc Âm đã được trao phó cho Giáo hội. Đối thoại chân chính thì bao hàm việc làm chứng cho đức tin toàn diện của mình, trong tinh thần cởi mở sẵn sàng đón nhận chứng cứ tương tự của tín đồ các tôn giáo khác. Công bố là nói lên lời mời gọi làm môn đồ của Đức Kitô và thi hành sứ mạng của Ngài. Công bố là phục vụ màu nhiệm của Thánh Linh, Đấng hoàn toàn tự do kêu mời con người hoán cải, và phục vụ màu nhiệm của con người có tự do để ứng đáp lời mời gọi ấy; do vậy, công bố là một tác vụ mang tính chất đối thoại.

6. Lời bàn

6.1 Luận đề này và lời bàn đi kèm theo đây, chỉ đơn thuần nhằm vào việc làm cho sáng tỏ mối tương quan phối kết giữa công tác đối thoại và tác vụ công bố Tin mừng, xét theo tư thế là những chiều kích cấu thành của sứ mạng rao truyền Phúc Âm đã được trao phó cho Giáo hội. Thế nên, chúng tôi sẽ không đi sâu vào trong những vấn đề phức tạp và khó khăn đã từng được đặt ra qua nhiều vấn nạn, chẳng hạn như là những vấn nạn liên quan đến: sự việc Đức Kitô là Đấng Cứu tinh duy nhất, nhưng tôn giáo thì lại có nhiều; việc phối kết giữa đối thoại và lập trường dẫn thân tuyệt đối trong đức tin, giữa khoa học luận về sự Tuyệt đối và sự tương đối đối với sự thật; việc ứng dụng tính chất quy phạm của mạc khải Kitô trong bối cảnh đa tôn giáo, v.v.

6.2 Quan hệ giữa công tác đối thoại và tác vụ công bố là một mối tương quan phức tạp. Để thử gia công tìm hiểu cho được về mối quan hệ ấy, thì ngay từ đầu, cần phải tránh đừng nhầm triết tiêu một trong hai, để khỏi rơi vào tình trạng lẫn lộn việc này với việc kia. Một số người có khuynh hướng cho rằng đối thoại là hình thức duy nhất chân chính của tác vụ công bố, bởi vì Giáo hội chỉ là một giữa nhiều con đường đưa dẫn đến ơn cứu độ; một số người khác thì có khuynh hướng cho rằng dù có căn tính riêng của mình, đối thoại cũng chỉ là một giai đoạn trong toàn bộ tiến trình dẫn tới tuyệt đỉnh là việc công bố. Nếu quan niệm thứ nhất làm cho tác vụ công bố mất hết ý nghĩa đặc thù, thì quan niệm thứ hai lại cố lèo lái hầu biến đối thoại trở thành một thứ công cụ phục vụ cho việc công bố.

6.3 Trọng tâm của sứ mạng rao truyền Phúc Âm mà Giáo hội đã lãnh nhận, là xây dựng Nước Thiên Chúa và xây đắp Giáo hội cho mãi có đủ khả năng mà phục vụ Nước Thiên Chúa. Do đó, Nước Thiên Chúa thì quảng bác mệnh mông hơn Giáo hội. Giáo hội là bí tích của Nước Thiên Chúa, tức là làm biểu trưng, làm động lực cổ xúy cho Nước ấy, cũng như quy hướng về với Nước ấy; tuy nhiên, không bao giờ Giáo hội đặt mình ngang hàng với Nước ấy.

6.4 Các giám mục Châu Á đã hiểu rằng công cuộc rao truyền Phúc Âm là chính công cuộc xây dựng Giáo hội địa phương qua một công trình đối thoại ba chiều: với các nền văn hóa, với các tôn giáo và với người nghèo tại Châu Á. Hội nhập văn hóa, đối thoại liên tôn và công cuộc giải phóng là ba chiều kích của tác vụ rao truyền Phúc Âm. Việc công bố không phải là một chiều kích thứ tư cần được ghép thêm vào ba chiều kích kia, mà là tác vụ làm chứng, tức là một khía cạnh làm thành tố của cả ba chiều kích vừa nói. Vì thế, khi tìm hiểu về mối quan hệ giữa công cuộc đối thoại và tác vụ công bố, chúng tôi muốn

giới hạn để chỉ bàn thảo về cách phối kết nội bộ giữa các khía cạnh biện chứng của một chiều kích mà thôi trong tác vụ rao truyền Phúc Âm, tức là của công cuộc đối thoại liên tôn.

6.5 Phương án duy nhất của Thiên Chúa đề xuất nhằm cứu độ mọi người, thì ôm trọn toàn bộ vũ trụ. Sứ mạng của Giáo hội cần phải được hiểu theo bối cảnh của phương án ấy. Giáo hội không giữ độc quyền về hoạt động của Thiên Chúa trong vũ trụ. Dù phải ý thức rõ về sứ mạng đặc biệt Thiên Chúa đã ủy thác cho mình trong thế giới, thì Giáo hội cũng còn có bốn phận phải chăm chú để ý đến hoạt động Thiên Chúa triển khai ra trong thế giới, như thấy được cả ở nơi các tôn giáo khác nữa. Tư thế ý thức hai chiều ấy tạo nên hai cực trong cung cách Giáo hội thi hành tác vụ rao truyền Phúc Âm giữa bối cảnh tương quan với các tôn giáo khác. Nếu việc công bố nói lên sự kiện Giáo hội ý thức là mình đang thực thi sứ mạng của mình, thì cũng tựa như thế, việc đối thoại nói lên sự kiện Giáo hội ý thức là Thiên Chúa đang hiện diện và hoạt động rộng cả ra ngoài biên cương của Giáo hội nữa. Hoạt động của Giáo hội diễn ra ở trong lãnh vực các sức mạnh nằm dưới tầm điều khiển của hai cực trong tác động của Thiên Chúa. Công bố là khẳng quyết và làm chứng về tác động của Thiên Chúa nơi chính mình. Đối thoại là mở lòng ra cho và chăm chú để ý đến tác động nhiệm màu của Thiên Chúa ở nơi tín đồ (kia) đang đối thoại với mình. Nhìn theo nhãn quan đức tin, thì sẽ thấy rằng không thể bàn đến một trong hai — hoặc là công bố hoặc là đối thoại — mà không nói chi tới hoạt động kia.

6.6 Thánh Linh mời gọi hết thảy mọi dân tộc, mọi người hoán cải, tức là trước tiên, sử dụng tự do mà hướng lòng mình về với Thiên Chúa và Nước của Ngài trong tinh thần tuân phục lời Ngài dạy. Là một thách đố (các phía) đặt ra cho nhau trong nỗ lực vươn lên cho tới mức hoàn thiện sung mãn, đối thoại tất phải gồm hàm cả lời mời gọi hoán

cải ấy. Tuy nhiên, đối thoại không nhằm vào việc hoán cải “trở lại,” hiểu theo nghĩa gia nhập một tôn giáo khác. Còn việc công bố thì bao hàm một lời mời gọi đi xa hơn, lời mời gọi làm môn đồ của Đức Giêsu Kitô trong Giáo hội. Đó không phải là hành động xảo quyết chiêu mộ tín đồ, nhưng là lời mời gọi nhiệm mầu của Thánh Linh và đồng thời cũng là lời đáp trả của tự do con người. Chính vì sinh hoạt sánh đôi ấy của tự do trong Thánh Linh, mà tự nó, việc công bố là một tác vụ mang tính chất đối thoại [*Evangelii Nuntiandi/Công bố Tin Mừng(=CBTM), 75; DCĐCN 14*].

6.7 Việc khẳng định niềm tin bao giờ cũng đi đến điểm kết là Đấng Tuyệt Đối. Tuy nhiên, không nên quên rằng tín đồ kia cũng có một viễn ảnh tương tự. Nếu thực sự là chân chính, thì cuộc đối thoại sẽ không bỏ lẫn chung vào giỏ hoặc bỏ qua mà không cần biết đến những viễn ảnh tuyệt đối ấy, nhưng sẽ biết tiến hành trong “khoảng trống” mà thái độ tôn trọng tự do và lương tâm của lẫn nhau đã vạch ra giữa các phía, dựa theo bầu khí tự do tối thượng của Thánh Linh, là Đấng “muốn thổi đâu thì thổi.” Điều đó muốn nói rằng dù chúng ta biết rõ về ý muốn cứu độ phổ quát của Thiên Chúa và về sự việc Thiên Chúa đã dùng trung gian môi giới nào để ban ơn cứu độ xuống cho loài người chúng ta, thì chúng ta cũng chưa biết gì rõ được về cách thức qua đó, cùng một ơn cứu độ ấy đi đến với các tín đồ khác đang đối thoại với chúng ta. Đây là lúc chúng ta phải đối diện với thực trạng giao thoa nhiệm mầu giữa tự do của Thánh Linh và tự do của các tín đồ khác. Đó là mầu nhiệm cần phải lưu ý đến, khi chúng ta làm chứng cho đức tin của mình. Như vậy, thử hỏi có thể coi đối thoại là điểm gặp gỡ giữa hai thể dạng công bố hay không, bởi vì mầu nhiệm đặt ra trước mắt chúng ta cũng chính là mầu nhiệm đang được các tín đồ khác làm chứng?

6.8 Như Đức Gioan Phaolô II đã nói: “Đối thoại chân chính sẽ trở thành hành động làm chứng, còn việc rao truyền Phúc Âm đúng với danh nghĩa của nó, thì phải được thực thi trong tinh thần tôn trọng và lắng nghe lẫn nhau” (ĐCĐCN 12; Bài ngỏ lời với Văn phòng thư ký đặc trách về các Anh Chị Em không kitô, ngày 3 tháng 3, 1984). Đại Hội Quốc Tế về Truyền Giáo tổ chức tại thủ đô Manila (tháng 12, 1979) đã nêu rõ là “công cuộc liên tục xây dựng Giáo hội địa phương là trọng tâm của tác vụ rao truyền Phúc Âm giữa thời đại ngày nay, cộng thêm vào đó là việc đối thoại, một thể dạng chủ yếu của tác vụ ấy” (Tuyên ngôn, số 19).

6.9 Không thể có được một cuộc đối thoại không đi đôi với nỗ lực công bố cho lẫn nhau, mà lại có khả năng tiến xa hơn giai đoạn hiểu biết lẫn nhau và hợp tác với nhau, để đi đến chỗ chấp nhận thách đố lẫn nhau và làm cho nhau phong phú thêm ngõ hầu cùng nhau trở thành sức sinh động cho cuộc sống con người và cho nền văn hóa các dân tộc. Đó chính là điều cho thấy rằng cuộc đối thoại liên tôn và tác vụ công bố là những chiều kích hay khía cạnh biện chứng của cùng một tiến trình duy nhất.

6.10 Cho đến đây, chúng tôi cũng chưa đề cập gì đến màu nhiệm về Đức Giêsu Kitô và về vai trò làm trung gian độc nhất cùng phổ quát của Người. Tuy nhiên, vẫn có thể hiểu ra được rằng quan hệ mà màu nhiệm ấy có đối với những sự kiện lịch sử về cái chết và cuộc sống lại của Đức Giêsu, cũng như tính chất độc nhất và phổ quát của màu nhiệm ấy đặt nó nằm ngay vào trong mối tương quan biện chứng giữa Giáo hội và Nước Thiên Chúa. Hề cứ cố độc chiếm màu nhiệm ấy cho riêng một mình Giáo hội, thì sẽ làm cho nó trở thành tương đối và mất đi tính chất phổ quát. Có thể là chúng ta không có đủ sức để thấu đạt cho đầy đủ về những chiều kích sâu thẳm của màu nhiệm ấy, một màu nhiệm nằm ở điểm gặp gỡ giữa những gì là vũ trụ và những gì là lịch sử, giữa những gì

là trường cữu và những gì thuộc thời gian, giữa những gì là thần linh và những gì thuộc thế giới loài người. Thế nên, không được quyền thu nhỏ màu nhiệm ấy vào trong giới mức hữu hạn của Giáo hội lữ hành, bởi vì Giáo hội đã được mời gọi để phục vụ màu nhiệm ấy, chứ không phải để biến nó trở thành sở hữu độc quyền của riêng mình.

6.11 Đức Gioan Phaolô II đã nhận định rằng: “Con người — mọi người không trừ một ai, đều — đã được Đức Kitô cứu chuộc, và bởi vì bằng một cách nào đó, Ngài đã kết hợp với con người — với mỗi một người không trừ một ai — ngay cả khi con người không ý thức ra hoặc không biết đến điều đó. Là chính Đấng đã chết và đã sống lại cho mọi người, Đức Kitô cung ứng cho con người — cho mỗi người và cho mọi người — ánh sáng và sức mạnh để có đủ khả năng mà đáp lại thiên chức cao cả của mình” (ĐCĐCN 14). Còn Thánh Linh thì triển khai hoạt động của mình ra cả “ngoài biên cương hữu hình của Thân Mình Màu Nhiệm nữa” (ĐCĐCN 6).

6.12 Giáo hội lữ hành làm chứng không phải cho chính mình, nhưng là cho màu nhiệm; và những lời kêu gọi hoán cải, kêu mời làm môn đồ Đức Kitô là nhằm trước tiên chỉ về mối liên hệ giữa Thiên Chúa là Đấng kêu gọi và con người là chủ thể đáp trả lời mời gọi. Chỉ sau đó, các lời kêu mời kia mới nhằm vào cộng đoàn Giáo hội. Căn tính của Giáo hội không nằm ở nơi sự việc chỉ một mình được trao phó cho vai trò làm “con tàu cứu độ,” nhưng là ở nơi sự việc đang trên đường thực thi sứ mạng biến đổi thế giới từ bên trong, tựa như men trong bột, dù không hoàn toàn biết rõ trước về những dạng thể mà việc biến đổi ấy sẽ mặc lấy.

LUẬN ĐỀ 7

Tiến hành một cuộc đối thoại thật sự với các truyền thống tôn giáo khác là phận vụ của Giáo hội địa phương, bởi vì Giáo hội địa phương phải sống liên hệ hoàn toàn chặt chẽ với đời sống và những nỗ lực đấu tranh của người dân, đặc biệt là của người nghèo. Ngoài ra, việc đối thoại như thế cũng là một thành tố không thể thiếu được trong tiến trình xây dựng các Giáo hội thật sự địa phương tại Châu Á.

7. Lời bàn

7.1 Hơn một lần, chúng tôi đã có dịp nhắc đến việc các giám mục châu Á nhận định rằng tác vụ rao truyền Phúc Âm phải được thực thi qua công cuộc xây dựng Giáo hội địa phương, và một nhân tố chủ yếu trong tác vụ này là cuộc đối thoại ba chiều: với các nền văn hóa, với các tôn giáo và với người nghèo tại Châu Á. Có thể có khuynh hướng coi việc hội nhập văn hóa, cuộc đối thoại liên tôn và nỗ lực giải phóng là những hoạt động riêng rẽ, không liên hệ gì với nhau. Nhìn vào thực tế, thì có thể nói rằng cuộc đối thoại liên tôn ngày nay thường diễn ra giữa những người "giáo hữu" ở bình diện cá nhân riêng tư. Nhưng chính qua việc cùng nhau tìm cách ứng đối cho thỏa đáng với những thách đố gặp phải trong các nỗ lực hội nhập văn hóa và giải phóng như thế, mà cuộc đối thoại liên tôn trở thành việc làm cụ thể và thích đáng. Vì vậy, cần phải dựa theo viễn ảnh toàn diện ấy mà nhìn về công cuộc đối thoại liên tôn. Nếu không, việc đối thoại liên tôn, cũng như cả chính tôn giáo nữa, sẽ trở thành những hoạt động tha hóa.

7.2 Như ngay từ đầu chúng tôi đã nhắc đến, một trong những đặc nét chính của Châu Á là tình trạng đa tôn giáo. Thế nên, không thể xây dựng được những Giáo hội thực

sự địa phương tại Châu Á với một nền linh đạo, một nền thần học, một kiểu mẫu phụng vụ, một lễ lối tổ chức giáo hội và những phương thức giải phóng thích hợp với đời sống cũng như với sứ mạng của các Giáo hội ấy, nếu không biết thật sự nhìn thẳng vào vấn đề mà các tôn giáo khác đặt ra cho sứ mạng của Giáo hội, và nghiêm túc đối thoại với họ. Điều đó chỉ có thể thành tựu được, nếu các Giáo hội địa phương tại Châu Á cảm nhận ra được mình có trách nhiệm đối với số phận và sứ mệnh của mình, lấy tinh thần tự do mà cả dám hành động và thử nghiệm, sáng tạo và học hỏi từ những nhầm lẫn đã từng vấp phải.

7.3 Các Giáo hội địa phương có tăng trưởng như thế, thì Giáo hội mới trở thành thực sự là Công giáo, tức là phổ quát (hoàn vũ). Bởi vì Giáo hội Hoàn vũ là cộng đồng hiệp thông các Giáo hội địa phương, với đặc nét này là: mỗi Giáo hội đâm rễ vào một nơi chốn, một nền văn hóa và một truyền thống cá biệt, nhưng đồng thời lại mở rộng đối với tất cả các Giáo hội khác, hiệp nhất trong đức tin với tất cả và đóng góp cho toàn thể cộng đồng những tư năng đặc thù của mình. Theo sát chính đường hướng đó, “Giáo hội Công giáo hằng không ngừng ra sức hoạt động bằng một phương thức hữu hiệu, nhằm quy tụ toàn thể nhân loại với tất cả những giá trị tốt đẹp có mặt ở giữa loài người, về dưới quyền một thủ lãnh là Đức Kitô, trong niềm hiệp nhất với Thánh Linh của Người” (ASMD 13; x. Ep 1:3-13).

Phạm Văn Vượng & NTM trình dịch

TRONG SỐ NÀY

Lời nói đầu 01

Luận đề về công cuộc đối thoại liên tôn
Ủy Ban Cố Vấn Thần Học của FABC 03

Adam với số phận đời đời
Gérard-Henry Baudry 39

Cảm thức đức tin. Suy tư thần học kể từ sau công đồng Vaticanô II (II) 1895-1989
John J. Burkhard 65

Sống sứ mệnh làm Giáo Hội tại Châu Á: cùng với Thần Khí đi vào sự sống sung mãn
Hội Nghị Thần Học Quốc Tế (FABC) 95

Số 12 Năm V (1995)

Với phép Bề Tr

